

THÚC ĐẨY VIỆC LÀM THỎA ĐÁNG THÍCH ỨNG XU HƯỚNG KINH TẾ XANH, KINH TẾ SỐ VÀ KINH TẾ CHĂM SÓC

PHẠM MINH HUÂN (*)

Tóm tắt: Trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi mạnh mẽ và hội nhập sâu rộng, chính sách việc làm của Việt Nam đang bước sang giai đoạn mới, không chỉ tập trung vào số lượng việc làm, mà còn hướng đến chất lượng, tính bền vững và khả năng thích ứng trước các xu hướng kinh tế xanh, kinh tế số và kinh tế chăm sóc. Do đó, cần nhận diện đầy đủ cơ hội và thách thức đối với nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện tại và trong tương lai, đề xuất các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực để đưa đất nước phát triển trong kỷ nguyên mới, đó cũng chính là quá trình thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực việc làm tiềm năng.

Từ khóa: Kinh tế xanh; kinh tế số; kinh tế chăm sóc; việc làm; việc làm thỏa đáng.

Abstract: In the context of a rapidly transforming and deeply integrating economy, Vietnam's employment policy has entered a new phase, focusing not only on the quantity of jobs but also on their quality, sustainability, and adaptability to trends in the green economy, digital economy, and care economy. Therefore, it is necessary to fully identify opportunities and challenges for Vietnam's current and future workforce, and propose solutions to use human resources effectively to advance national development in the new era. This process also represents the promotion of decent work across various sectors, particularly in potential employment areas.

Keywords: Green economy; digital economy; care economy; employment; decent work.

Ngày nhận bài: 15/9/2025 Ngày biên tập: 07/11/2025 Ngày duyệt đăng: 19/11/2025

1. Việc làm và giải quyết việc làm

Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm, là một trong những quyền cơ bản của con người. Quyền được làm việc có thu nhập được ghi nhận trong Công ước của Liên Hợp quốc, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), nhiều văn kiện của Đảng và hệ thống pháp luật quốc gia như Hiến pháp, Bộ luật Lao động, Luật Việc làm... Việc làm không đơn thuần chỉ là hoạt động kinh tế mà còn là hoạt động mang tính xã hội, có ảnh hưởng đến sự phát triển của một đất nước. Trên bình diện chung, chính sách việc

làm được xem là một chính sách xã hội quan trọng trong hệ thống chính sách kinh tế - xã hội, ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống xã hội, an ninh, chính trị và sự phát triển ổn định, bền vững của một quốc gia.

Chính sách việc làm trước hết phải hướng tới mục tiêu an sinh xã hội, tạo việc làm cho người dân không chỉ giúp họ có thu nhập để trang trải cuộc sống mà còn góp phần giảm thiểu các vấn đề xã hội như nghèo đói, tệ nạn, bất ổn xã hội. Vì vậy, chính sách việc làm được coi là một trong những chính sách cơ bản trong hệ thống chính sách xã hội nói chung. Trong quá trình phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo vấn đề việc làm, ban hành

(*) TS; nguyên Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội



Ảnh minh họa

chính sách việc làm phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn. Nội dung chính sách việc làm thường bao gồm các mục tiêu cần phải đạt được; chương trình tín dụng hỗ trợ tạo việc làm; phát triển thị trường lao động; đào tạo nghề; bảo hiểm thất nghiệp, các chỉ tiêu tạo việc làm mới, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lao động qua đào tạo... nhằm bảo đảm an sinh xã hội cho người dân. Chính sách việc làm đúng, phù hợp với thực tiễn sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngược lại tăng trưởng kinh tế là cơ sở để giải quyết nhiều việc làm, việc làm bền vững, việc làm thỏa đáng, giảm bất bình đẳng, tăng cường sự gắn kết cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động nói riêng và người dân nói chung, bảo đảm công bằng xã hội. Giải quyết việc làm là trách nhiệm chung của Nhà nước, người sử dụng lao động và toàn xã hội, trong đó Nhà nước giữ vai trò định hướng, xây dựng chính sách và hỗ trợ. Người sử dụng lao động tạo việc làm và xã hội tham gia vào quá trình này.

Chính sách việc làm ở Việt Nam được hình thành từ sớm ngay từ khi thành lập nước và phát triển gắn liền với quá trình phát triển. Trải qua nhiều giai đoạn với những chính sách và

giải pháp khác nhau, có thể khái quát thành ba giai đoạn như sau: Trước năm 1980, việc làm gắn với nhiệm vụ thời chiến, huy động sức người phục vụ quốc phòng, an ninh và bảo đảm đời sống nhân dân, chưa có chính sách kinh tế riêng về lao động - việc làm. Giai đoạn 1980 - 1990, Nhà nước thực hiện chế độ bao cấp việc làm trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Lao động chủ yếu trong nông nghiệp, ít ngành nghề,

thiếu việc làm, hiệu quả thấp. Từ năm 1990 đến nay, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chính sách việc làm mở rộng và năng động hơn; khuyến khích phát triển kinh tế đa thành phần, thu hút đầu tư, đào tạo nghề, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, từng bước hướng tới tạo việc làm bền vững và chất lượng.

Giải quyết việc làm không chỉ dừng lại ở việc tạo ra việc làm mới mà còn hướng đến nâng cao chất lượng việc làm, tăng thu nhập và cải thiện điều kiện làm việc. Thị trường lao động được hình thành và trở thành động lực thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các chính sách an sinh xã hội cơ bản được hình thành tạo điều kiện cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp để chủ động khắc phục các rủi ro do mất hoặc giảm giờ làm việc, tai nạn lao động, mất sức lao động, nghỉ hưu. Hệ thống pháp luật về doanh nghiệp, về lao động, việc làm được ban hành và hoàn thiện tạo hành lang pháp lý cho việc tạo và giải quyết việc làm. Tiêu biểu trong số đó phải kể đến là Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Lao động, Luật Việc làm, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động...

Mặc dù thị trường lao động đã có những phát triển nhất định, thể chế thị trường lao động ngày càng hoàn thiện. Hệ thống thông tin thị trường từng bước đáp ứng được yêu cầu. Quan hệ lao động được thiết lập hài hòa, ổn định và tiến bộ; thiết chế về an sinh xã hội được hình thành. Tuy nhiên, vấn đề lao động, việc làm đang gặp thách thức như chất lượng lao động chưa cao, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của một bộ phận người lao động còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường, nhất là những ngành nghề mũi nhọn như khoa học công nghệ, chuyển đổi số, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến nay chỉ mới đạt 28,8%)... Thị trường lao động chưa theo kịp được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chưa thích ứng đầy đủ với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; thể chế phát triển thị trường lao động còn bất cập; chưa có cơ chế, chính sách đầy đủ về giao dịch việc làm, quản lý chất lượng thị trường, các quy định về tiêu chuẩn lao động và quan hệ lao động; cân đối cung - cầu lao động chưa thật hiệu quả.

Hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm chưa thực sự hoàn chỉnh; kết nối thị trường lao động trong nước và quốc tế còn yếu; lưới an sinh xã hội có độ bao phủ thấp, chưa đạt hiệu quả cao; công tác thống kê, phân tích dữ liệu và dự báo thị trường còn hạn chế; phân bố lao động còn mất cân đối giữa các vùng, các ngành nghề; tính mùa vụ trong nông nghiệp còn lớn dẫn đến thiếu việc làm theo mùa vụ ở khu vực nông thôn; tỷ lệ lao động thất nghiệp còn cao, trong 10 năm từ 2015 đến nay (khoảng 2,3%); tình trạng dịch chuyển lao động đến các khu công nghiệp tập trung, các đô thị phát triển, di cư tự do từ nông thôn ra thành thị gây áp lực cho việc giải quyết việc làm, giải quyết mối quan hệ cung cầu trong thị trường lao động và cơ sở hạ tầng ở các đô thị.

2. Ưu tiên thúc đẩy việc làm thỏa đáng

Thúc đẩy việc làm thỏa đáng được hiểu là cần tập trung vào các hoạt động ưu tiên như tạo cơ hội việc làm chất lượng, đảm bảo quyền lợi, điều kiện làm việc và thu nhập xứng

đáng cho người lao động, đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, cụ thể là:

Thứ nhất, tạo cơ hội việc làm chất lượng. Cần phát triển kinh tế theo hướng bền vững, khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghệ cao, dịch vụ chất lượng nhằm tạo ra nhiều việc làm ổn định và có thu nhập cao. Hỗ trợ khởi nghiệp, nhất là với thanh niên, sinh viên, giúp hình thành những mô hình sản xuất mới, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác. Đồng thời, phát triển thị trường lao động hiện đại, minh bạch kết nối cung cầu lao động và đa dạng hóa các hình thức việc làm phù hợp với xu thế số hóa.

Thứ hai, nâng cao kỹ năng lao động. Cần đầu tư phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường và xu hướng chuyển đổi số. Bên cạnh đào tạo nghề, cần chú trọng bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và đào tạo lại để thích ứng với Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ ba, cải thiện điều kiện làm việc. Cần thực hiện nghiêm các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, giảm thiểu rủi ro tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, đồng thời, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hiện đại, thoải mái, khuyến khích sáng tạo và nâng cao năng suất. Cần đảm bảo thương lượng về tiền lương, phúc lợi công bằng, giúp người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với công việc.

Thứ tư, đảm bảo quyền lợi của người lao động. Nhà nước và doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật lao động, nhất là tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; giám sát việc thực hiện pháp luật lao động, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm để bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động. Đồng thời, phát huy cơ chế đối thoại, thương lượng tập thể nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động.

Thứ năm, tăng cường quản lý nhà nước về lao động. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách lao động việc làm đồng bộ, phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu

phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước về lao động, đảm bảo thực thi hiệu quả các quy định của pháp luật. Tăng cường hợp tác quốc tế để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực lao động, hợp tác để giải quyết các vấn đề lao động xuyên quốc gia.

Trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với mục tiêu phát triển bền vững, việc thúc đẩy việc làm thỏa đáng không chỉ dừng lại ở việc mở rộng quy mô hay nâng cao chất lượng việc làm truyền thống, mà cần được định hướng vào các lĩnh vực kinh tế mới, có giá trị gia tăng cao và tác động xã hội tích cực. Đặc biệt, kinh tế xanh, kinh tế số và kinh tế chăm sóc đang nổi lên như những trụ cột quan trọng của nền kinh tế hiện đại, vừa tạo ra nhiều cơ hội việc làm chất lượng, vừa góp phần giải quyết các thách thức về môi trường, công nghệ và phúc lợi xã hội. Đây là ba hướng ưu tiên chiến lược, vừa tạo việc làm chất lượng, vừa góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng bao trùm và thích ứng với xu thế chuyển đổi mô hình kinh tế.

Việc làm xanh được hiểu là việc làm liên quan đến các hoạt động kinh tế, sản xuất, dịch vụ, quản lý, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và hướng tới sự phát triển bền vững. Việc làm xanh là một cấu phần quan trọng trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, với mục tiêu giảm ít nhất 15% phát thải khí nhà kính vào năm 2030 và 30% vào năm 2050. Việc làm xanh bao gồm các vị trí như kỹ sư môi trường, chuyên gia năng lượng tái tạo, tư vấn viên phát triển bền vững, nhân viên thu gom và xử lý rác thải, và nhiều vị trí khác trong các ngành như sản xuất, nông nghiệp, năng lượng và xây dựng. Xu hướng này đang lan rộng tại Việt Nam khi các doanh nghiệp ngày càng chú trọng đến yếu tố phát triển bền vững. Nhu cầu về kỹ năng xanh (green skills) cũng đang gia tăng, yêu cầu người lao động phải có kiến thức và kỹ năng liên quan đến bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Việc làm số (digital jobs) liên quan đến công nghệ thông tin, bao gồm các công việc phát triển phần mềm, quản trị hệ thống an ninh mạng, phân tích dữ liệu, thương mại điện tử và các lĩnh vực liên quan đến công nghệ số. Tại Việt Nam, ngày 22/12/2024 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết số 57-NQ/TW đặt mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, với kinh tế số đóng góp lớn vào GDP. Điều này mở ra nhu cầu rất lớn về nhân lực kỹ thuật số như lập trình viên, chuyên viên an ninh mạng, chuyên viên marketing số và quản lý dự án công nghệ.

Việc làm chăm sóc sức khỏe liên quan đến việc đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam đang tăng cao do dân số già hóa và nhận thức về sức khỏe của người dân ngày càng được nâng cao. Già hóa dân số là một vấn đề đáng lo ngại ở Việt Nam, với tốc độ nhanh hơn so với nhiều quốc gia khác. Điều này đặt ra nhiều thách thức về kinh tế, xã hội và y tế. Năm 2019, nhóm người từ 60 tuổi trở lên chiếm 11,9% tổng dân số và dự kiến sẽ tăng lên hơn 25% vào năm 2050. Già hóa dân số tạo ra thách thức cho hệ thống an sinh xã hội, nhưng đồng thời mở rộng thị trường việc làm trong y tế và chăm sóc xã hội - từ bác sĩ, y tá, dược sĩ đến chuyên viên dinh dưỡng, phục hồi chức năng và tư vấn sức khỏe. Để đáp ứng xu hướng này, cần đầu tư cho đào tạo kỹ năng chăm sóc chuyên nghiệp, gắn với tiêu chuẩn quốc tế và mở rộng hợp tác trong xuất khẩu lao động chăm sóc sang các nước phát triển - nơi mà sự thiếu hụt nhân lực chăm sóc người cao tuổi ngày càng rõ.

3. Một số giải pháp thúc đẩy việc làm thỏa đáng góp phần phát triển bền vững và tiến bộ xã hội

Để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững “cất cánh” trong kỷ nguyên mới, Đảng ta đã ban hành “Bộ tứ chiến lược”, đó là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập

quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Trong lĩnh vực lao động việc làm, cần quán triệt sâu sắc chủ trương của Trung ương trong các Nghị quyết nêu trên, nhận diện cơ hội và thách thức đối với nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện tại và trong tương lai để đưa ra các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong thời kỳ “dân số vàng” đưa đất nước phát triển trong kỷ nguyên mới, đó cũng chính là quá trình thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong các lĩnh vực, đặc biệt là việc làm tiềm năng cụ thể như sau:

Một là, nâng cao nhận thức về cơ hội và thách thức đối với thị trường lao động hiện nay khi tổ chức thực hiện các Nghị quyết nêu trên. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật đồng bộ, thống nhất để thị trường lao động phát triển theo hướng linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập quốc tế, nhằm giải phóng triệt để sức sản xuất, tập trung phát triển lao động có kỹ năng, thúc đẩy tạo việc làm bền vững, có thu nhập cao. Tiếp tục luật hóa và quy định cụ thể các tiêu chuẩn lao động phù hợp với điều kiện của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế.

Hai là, tập trung phát triển nguồn nhân lực cho các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm đang là ưu tiên hiện nay như khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi xanh, ứng phó biến đổi khí hậu, dịch vụ chăm sóc sức khỏe... Tập trung xây dựng hệ thống quản trị thị trường lao động hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho người lao động, doanh nghiệp tham gia các hoạt động giao dịch việc làm, tiếp cận thông tin về thị trường lao động việc làm. Đẩy mạnh đầu tư số hóa quản trị lao động việc làm kết nối với số hóa quản lý dân cư.

Ba là, chú trọng xây dựng hệ thống thông tin và dự báo thị trường lao động. Chính sách việc làm phải được xây dựng trên cơ sở dữ liệu hiện tại và nguyên tắc có tính dự báo, tầm nhìn chiến lược. Đa dạng hóa các nguồn tin dụng để thúc đẩy tạo việc làm mới, việc làm

sáng tạo, chất lượng cao, việc làm bền vững, việc làm xanh, phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu, việc làm cho đối tượng yếu thế, vùng sâu, vùng xa.

Bốn là, quan tâm tới việc dịch chuyển lao động, việc làm theo địa lý, địa bàn, đảm bảo có cơ cấu phân bổ lao động việc làm hợp lý trên phạm vi toàn quốc; đẩy mạnh liên kết thị trường việc làm giữa các vùng trong cả nước, hình thành cơ chế kết nối cung cầu tự động giữa thị trường trong và ngoài nước. Tạo việc làm ở khu vực nông thôn, miền núi để người dân có thể làm việc tại quê hương với mức thu nhập ổn định, hạn chế phải xa quê hương. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực lao động và việc làm.

Năm là, đổi mới toàn diện hệ thống đào tạo, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiệu quả để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tận dụng thời cơ dân số vàng, phục vụ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đáp ứng quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ngoại ngữ, tính kỷ luật, kỷ cương... để hội nhập với thị trường lao động thế giới. Đồng thời, tiếp tục rà soát, đánh giá sắp xếp tổ chức, đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng, đề xuất mô hình liên kết vùng, xây dựng các trung tâm đào tạo vùng, trung tâm đào tạo quốc gia theo vùng kinh tế trọng điểm. Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong kết nối giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp; xây dựng chính sách ưu đãi cho học tập, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đánh giá, công nhận trình độ kỹ năng cho người lao động. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bổ sung, đào tạo tại doanh nghiệp để thu hút hiệu quả lao động tại chỗ nhằm giải quyết triệt để vấn đề thiếu hụt nhân lực cục bộ, vấn đề đứt gãy lao động phục vụ phục hồi nhanh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội./.